

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 45/2011/TT-NHNN NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC CHO VAY, THU HỒI NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 45/2011/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng (sau đây gọi là Thông tư 45/2011/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 45/2011/TT-NHNN

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Cho vay ra nước ngoài là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao hoặc cam kết giao cho khách hàng là người không cư trú (sau đây gọi là bên vay nước ngoài) một Khoản tiền để sử dụng vào Mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 2 như sau:

“7. Tài Khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài là tài Khoản thanh toán mà tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài sử dụng để thực hiện Khoản cho vay ra nước ngoài.”

3. Bổ sung Khoản 8 vào Điều 2 như sau:

“8. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài Khoản là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nơi tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài mở tài Khoản thanh toán để thực hiện giải ngân, thu hồi nợ Khoản cho vay ra nước ngoài và các giao dịch chuyển tiền khác liên quan đến hoạt động cho vay, thu hồi nợ nước ngoài.”

4. Bổ sung Khoản 5 vào Điều 3 như sau:

“5. Xây dựng phương án huy động và cho vay ngoại tệ đảm bảo nguyên tắc phù hợp về cơ cấu đồng tiền, cơ cấu kỳ hạn giữa huy động và cho vay, tránh rủi ro kỳ hạn và rủi ro thanh Khoản có thể phát sinh do thực hiện Khoản cho vay ra nước ngoài.”

5. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 5 và Khoản 1 Điều 5 như sau:

“Điều 5. Đồng tiền cho vay, thu hồi nợ nước ngoài

1. Việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của tổ chức tín dụng thực hiện bằng ngoại tệ. Đồng tiền thu hồi nợ là đồng tiền giải ngân của Khoản cho vay. Việc thu hồi nợ bằng ngoại tệ khác với đồng tiền giải ngân thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng cho vay và bên vay nước ngoài.”

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Tổ chức tín dụng thực hiện việc đăng ký Khoản cho vay với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay (trường hợp Khoản cho vay không được bảo lãnh) hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức bảo lãnh ký văn bản bảo lãnh.

2. Trường hợp thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến Khoản cho vay ra nước ngoài được nêu tại văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi Khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi Khoản cho vay ra nước ngoài trong thời hạn:

a) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi; hoặc,

b) 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức bảo lãnh ký văn bản đồng ý với nội dung thay đổi thỏa thuận cho vay (trường hợp Khoản cho vay được bảo lãnh); hoặc,

c) Trước thời Điểm diễn ra nội dung thay đổi đối với trường hợp nội dung thay đổi không cần ký thỏa thuận thay đổi.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Hồ sơ đăng ký Khoản cho vay

Tổ chức tín dụng gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký Khoản cho vay đến Ngân hàng Nhà nước. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đăng ký Khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Báo cáo đánh giá tác động của Khoản cho vay ra nước ngoài đến việc tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng (bên vay nước ngoài) và người có liên quan; tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi; tỷ lệ khả năng chi trả; trạng thái ngoại tệ của tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài.
3. Báo cáo thẩm định Khoản cho vay ra nước ngoài gồm các nội dung chủ yếu sau: đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của bên vay nước ngoài; các rủi ro liên quan, khả năng thu hồi vốn gốc, lãi cho vay đầy đủ và đúng hạn; sự phù hợp về trị giá Khoản cho vay và quy mô dự án sử dụng vốn vay; vấn đề bảo đảm Khoản cho vay và các nội dung liên quan khác.
4. Báo cáo về nguồn vốn ngoại tệ cho vay bao gồm nội dung liên quan đến quy mô, cơ cấu đồng tiền và cơ cấu kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động và cho vay bằng ngoại tệ tại thời Điểm ký thỏa thuận cho vay.
5. Bản sao và bản dịch tiếng Việt Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên vay nước ngoài theo quy định của nước sở tại.
6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam sở hữu vốn đầu tư và trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư tại Bên vay nước ngoài.
7. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) thỏa thuận cho vay đã ký.
8. Bản sao và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng) các văn bản, thỏa thuận bảo lãnh, bảo đảm Khoản cho vay ra nước ngoài (nếu có).”
8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 11 như sau:
“3. Báo cáo đánh giá tác động của Khoản cho vay ra nước ngoài đến việc tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng (bên vay nước ngoài) và người có liên quan; tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi; tỷ lệ khả năng chi trả; trạng thái ngoại tệ của tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài (trường hợp tăng kim ngạch hoặc kéo dài thời hạn cho vay ra nước ngoài).”
9. Bổ sung Khoản 5 vào Điều 12 như sau:

“5. Việc tổ chức tín dụng tuân thủ quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng khi thực hiện Khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm: tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng (bên vay nước ngoài) và người có liên quan; tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi; tỷ lệ khả năng chi trả; trạng thái ngoại tệ tối đa so với vốn tự có.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Tài Khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng là ngân hàng thương mại cho vay ra nước ngoài có trách nhiệm thực hiện việc theo dõi các giao dịch liên quan đến việc cho vay ra nước ngoài của mình theo đúng các quy định hiện hành về hạch toán, kế toán đối với ngân hàng thương mại; chịu trách nhiệm và đảm bảo thực hiện các giao dịch liên quan đến Khoản cho vay ra nước ngoài theo đúng nội dung văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi Khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng không phải là ngân hàng thương mại cho vay ra nước ngoài có trách nhiệm mở tài Khoản cho vay, thu hồi nợ nước ngoài tại 01 (một) ngân hàng cung ứng dịch vụ tài Khoản để thực hiện mọi giao dịch giải ngân vốn cho vay, thu hồi nợ nước ngoài (nợ gốc, lãi và các loại phí ...).

Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài Khoản có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các tài liệu do tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài xuất trình để đảm bảo thực hiện đúng các giao dịch của Khoản cho vay ra nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Việc tổ chức tín dụng sử dụng tài Khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện Khoản cho vay ra nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài Khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức tín dụng.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Chế độ báo cáo

Tổ chức tín dụng cho vay ra nước ngoài và ngân hàng cung ứng dịch vụ tài Khoản thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 16 như sau:

“a) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ Quản lý ngoại hối về việc tham gia ý kiến đối với Khoản cho vay ra nước ngoài, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi Vụ Quản lý ngoại hối về các nội dung liên quan đến Khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng. Nội dung văn bản bao gồm: xác nhận phạm vi kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức tín dụng; xác nhận việc tổ chức tín dụng tuân thủ các quy

định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư này tại thời Điểm cuối tháng trước ngày ký thỏa thuận cho vay hoặc thỏa thuận thay đổi trong trường hợp thay đổi làm tăng kim ngạch hoặc thời hạn Khoản cho vay ra nước ngoài.”

Điều 2. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư 45/2011/TT-NHNN.

Điều 3. Điều Khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2016.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Điều 8 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản hết hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Công báo;
- Lưu VP, QLNH, PC.

Nguyễn Thị Hồng